

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÓC MÔN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 173/2023/DS-ST

Ngày: 09/5/2023

Về việc “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa : Ông Ung Tuấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang T – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 365/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2023/QĐST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nghe Vĩ C, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 8 N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T1, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: A N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đỗ Xuân H, sinh năm: 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: B T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH D về V.

Địa chỉ: A đường S, ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Thế T2, sinh năm 1984

Địa chỉ: A khu phố C, phường T, Quận A, TP ..

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 8 N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T1, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: A N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại bản tự khai, các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Lê Thị T1 trình bày:

Công ty TNHH D1 có ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ đối với quán C2. Vào khoảng 19 giờ ngày 14/4/2019 ông N Vĩ Cường đến quán C2 để uống nước, ông C đã gửi chiếc xe của ông C loại SH 125i số hiệu 59E1- 446.95 màu trắng đen nhãn hiệu Honda và nhận thẻ bảo vệ của quán này, thẻ xe số 309, sau hơn một tiếng uống nước rồi ra về lấy xe thì ông C không thấy xe mình nữa nên đã liên hệ với bảo vệ và chủ quán là ông Đỗ Xuân H để làm việc. Sau khi tìm kiếm thì không thấy xe nên ông C đã đến Công an xã T trình báo về việc mất xe tại quán C2. Tại Công an xã T các bên thỏa thuận Công ty TNHH D1 sẽ bồi thường thiệt hại đúng trị giá chiếc xe đã mất là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, thanh toán vào ngày 15/4/2019 và ông Đỗ Xuân H là chủ quán sẽ bảo lãnh cho Công ty TNHH D1 đền bù thiệt hại tài sản cho ông C (theo Đơn thỏa thuận đền bù mất xe ngày 14/4/2019).

Đến ngày hẹn thì phía Công ty TNHH D1 và ông H chỉ đồng ý trả số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nên ông C không đồng ý. Do không thỏa thuận được giá trị bồi thường nên ông Nghe Vĩ C khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Đỗ Xuân H phải bồi thường giá trị chiếc xe SH 125i số hiệu 59E1- 446.95 đã mất theo như Đơn thỏa thuận đền bù mất xe ngày 14/4/2019 là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Căn cứ vào kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 4541221/CT-TK ngày 19/1/2022 của Công ty Cổ phần Đ thì tài sản tranh chấp là xe mô tô hiệu Honda SH biển số 59E1-446.95 có giá là 53.940.000 đồng, phía nguyên đơn ông C không ý kiến gì về giá của đơn vị định giá và đồng ý sử dụng giá này để làm căn cứ giải quyết vụ án, ông C không yêu cầu định giá lại.

Ông C xác định chỉ yêu cầu ông Đỗ Xuân H bồi thường trị giá chiếc xe SH đã bị mất cho ông C. Không yêu cầu Công ty TNHH D1 hay bất kỳ cá nhân nào khác chịu trách nhiệm bồi thường trong vụ kiện.

Tại bản tự khai ngày 11/6/2019– bị đơn ông Đỗ Xuân H trình bày:

Vào lúc 20 giờ ngày 14/4/2019 tại địa chỉ: B T, xã T, huyện H, Thành phố

Hồ Chí Minh có mất một chiếc xe SH 125i số hiệu 59E1- 446.95 tại quán C2. Sau đó, vào lúc 23 giờ cùng ngày, ông cùng với ông Nghe Vĩ C và ông Nguyễn Tấn C1-đại diện của Công ty TNHH D1 đã đến trình báo tại Công an xã T. Ngày 15/4/2019, vào lúc 10 giờ tại Công an xã T, cả ba bên đã thỏa thuận là phía Công ty TNHH D1 sẽ bồi thường số tiền 30.000.000 đồng và bên mất xe là ông C1 đồng ý. Khi đó có mặt ông Đỗ Xuân H, ông Nghe Vĩ C và phía Công an khu vực.

Sau đó khi ra khỏi trụ sở Công an xã T thì ông N Vĩ Cường có điện thoại cho ông H là không đồng ý với mức bồi thường trên và ông C khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Ông H có ý kiến rằng ông sẽ luôn có mặt tại Tòa án theo các giấy triệu tập nhưng về trách nhiệm bồi thường sẽ do Công ty TNHH D1 chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Nghe Vĩ C. Theo ông H số tiền Công ty TNHH D1 đề nghị được bồi thường là 30.000.000 đồng là hợp lý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Thế T2 – Đại diện của Công ty TNHH D1 trình bày tại bản tự khai ngày 30/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án:

Vào khoảng 21 giờ ngày 14/4/2019, ông có nghe nhân viên bảo vệ báo mất xe của khách là ông Nghe Vĩ C tại quán C2. Sau đó, ngày 15/4/2019, vào lúc 10 giờ tại Công an xã T, cả ba bao gồm: Đại diện Công ty TNHH D1, ông Đỗ Xuân H và ông Nghe Vĩ C đã thỏa thuận là phía Công ty TNHH D1 sẽ bồi thường số tiền 30.000.000 đồng và bên mất xe là ông C đồng ý phía Công ty TNHH D1 đã thỏa thuận công ty sẽ hỗ trợ cho ông N Vĩ Cường số tiền 30.000.000 đồng và ông C cũng đồng ý, không hiểu lý do vì sao sau đó ông C lại không đồng ý và khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Xuân H bồi thường số tiền là 70.000.000 đồng.

Do ông là đại diện Công ty TNHH D1 đã ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ cho quán A nên ông sẽ đứng ra chịu trách nhiệm bồi thường về việc làm mất xe khách tại quán, tuy nhiên chiếc xe loại SH 125 đăng ký giấy xe vào năm 2013 đến thời điểm hiện tại là qua 06 năm sử dụng. Tại phiên hòa giải ngày 10/01/2023 bên Công ty chỉ đồng ý với mức giá bồi thường là 35.000.000 đồng và trả làm 3 đợt trong vòng 3 tháng.

Tòa án thông báo kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 4541221/CT-TV ngày 19/1/2022 của Công ty Cổ phần Đ thì tài sản tranh chấp là xe mô tô hiệu Honda SH biển số 59E1-446.95 có giá là 53.940.000 đồng. Phía ông T2 cho rằng giá của đơn vị định giá là quá cao, và cho ý kiến muốn công ty định giá xem xét lại để đảm bảo quyền và lợi ích của công ty. Đã quá thời hạn trên nhưng phía Công ty không có yêu cầu định giá lại, vì vậy Tòa án căn cứ vào kết quả định giá hiện tại để tiến hành giải quyết vụ án.

Đối với số tiền chi phí định giá 2.000.000 đồng Công ty TNHH D1 đã tạm nộp, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn không có yêu cầu phân tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên cùng nhau thỏa thuận giải quyết vụ kiện nhưng không thành. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Lê Thị T1 trình bày: Về trách nhiệm bồi thường do làm mất xe của ông C bị đơn không thừa nhận và trong quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn thường xuyên vắng mặt nên không thống nhất được giá trị bồi thường. Vì vậy, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Đỗ Xuân H phải bồi thường phía nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do lần hai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH D1, ông Đinh Thế T2 trình bày: Ông thừa nhận có sự việc mất xe của ông Nghe Vĩ C tại quán A1. Do Công ty TNHH D1 đã ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ cho quán A nên phía Công ty sẽ đứng ra chịu trách nhiệm bồi thường về việc làm mất xe khách tại quán. Tuy nhiên, chiếc xe loại SH 125 đăng ký giấy xe vào năm 2013 đến thời điểm hiện tại là qua 06 năm sử dụng nên chỉ đồng ý với mức giá bồi thường là 35.000.000 đồng và trả làm 3 đợt trong vòng 3 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử tại điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 554, 556, Khoản 1, Khoản 4 Điều 557 Bộ luật dân sự

năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn trị giá chiếc xe máy hiệu Honda SH biên số 59E1-446.95 đã bị mất với số tiền là 53.940.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nghe Vĩ C có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Xuân H bồi thường cho nguyên đơn trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH 125i đã bị mất vào ngày 14/4/2019 tại quán C2. Đây là tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản và quán C2 có địa chỉ tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, TP ..

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nghe Vĩ C, nguyên đơn xác định, chỉ khởi kiện ông Đỗ Xuân H bồi thường trị giá chiếc xe SH125i của ông C, không yêu cầu Công ty TNHH D1 hay bất kỳ cá nhân nào khác cùng chịu trách nhiệm bồi thường, yêu cầu bị đơn ông Đỗ Xuân H bồi thường cho nguyên đơn trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH125i đã bị mất là 70.000.000 đồng.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 041171 do Công an Q, TP . cấp ngày 09/1/2018, chiếc xe máy hiệu Honda loại SH125I, biên số đăng ký 59E1- 446.95, số máy JF42E0041381, số khung 4213DY041360, do ông Nghe V C đứng tên.

Căn cứ vào sự thừa nhận, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, giữa Công ty TNHH D1 và ông Đỗ Xuân H - Chủ quán C2 có ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 034/HĐBVVU-VP ngày 30.01.2019, theo Hợp đồng Công ty TNHH D1 có trách nhiệm trông giữ xe miễn phí cho nhân viên và khách hàng của quán, có phát phiếu giữ xe. Vào khoảng 19 giờ ngày 14.4.2019 ông N Vĩ Cường đến quán C2 để uống nước, ông C đã gửi chiếc xe của ông C loại SH 125i số hiệu 59E1- 446.95 màu trắng đen nhãn hiệu Honda và nhận thẻ bảo vệ của quán này, thẻ xe số 309. Đồng thời sau khi xảy ra sự việc mất xe ông Đỗ Xuân H là chủ quán cam kết sẽ bảo lãnh cho Công ty TNHH D1 đền bù thiệt hại tài sản cho ông C (theo Đơn thỏa thuận đền bù mất xe ngày 14/4/2019). Từ những chứng cứ trên đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết Hợp đồng gửi giữ tài sản theo quy định tại Điều 554 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn cũng thừa nhận để xảy ra sự việc mất xe của ông C vào

lúc 21 giờ ngày 14/4/2019 là phù hợp với Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Bà Lê Thị T1 yêu cầu bị đơn ông Đỗ Xuân H bồi thường trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH125I đã bị mất là 70.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn không đồng ý bồi thường 70.000.000 đồng cho nguyên đơn. Đồng thời, qua các buổi hòa giải hai bên vẫn không thống nhất được mức bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy: Do các bên đương sự không thống nhất được trị giá của chiếc xe SH 125i của ông C vào thời điểm mất để làm cơ sở yêu cầu bồi thường. Việc xác định trị giá của chiếc xe máy hiệu Honda SH 125i số hiệu 59E1- 446.95 vào thời điểm bị mất làm căn cứ xác định trị giá bồi thường phải dựa trên kết luận hợp pháp của cơ quan, tổ chức có chuyên môn, thẩm quyền về thẩm định giá. Tại buổi làm việc ngày 12/11/2019 và 04/3/2020, người đại diện của nguyên đơn và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D1 có đề nghị yêu cầu Hội đồng định giá xác định trị giá chiếc xe trên. Theo Chứng thư thẩm định giá số 4541221/CT-TV ngày 19/1/2022 của Công ty Cổ phần Đ thì tài sản tranh chấp là xe mô tô hiệu Honda SH125i biển số 59E1-446.95 có giá là 53.940.000 đồng. Nguyên đơn không có ý kiến gì đối với kết quả định giá của Công ty Đ, tuy nhiên ông Đinh Thế T2 có ý kiến cho rằng kết quả định giá quá cao so với giá trị thực tế của chiếc xe đã mất. Như vậy, việc nhân viên của Công ty TNHH D1 trông giữ xe ông C đã để xảy ra sự việc mất xe và ông Đỗ Xuân H là chủ quán cam kết sẽ bảo lãnh cho Công ty TNHH D1 đền bù thiệt hại tài sản cho ông C (theo Đơn thỏa thuận đền bù mất xe ngày 14/4/2019) tuy nhiên đã không thực hiện làm thiệt hại cho ông C nên phải bồi thường. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 556 và khoản 4 Điều 557 của Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn trị giá chiếc xe máy hiệu Honda SH125i biển số 59E1-446.95 đã mất với giá trị theo kết quả định giá là 53.940.000 đồng.

Phía công ty TNHH D1 thừa nhận có sự việc mất xe của ông Nghe Vĩ C tại quán A1. Do Công ty TNHH D1 đã ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ cho quán A nên phía Công ty sẽ đứng ra chịu trách nhiệm bồi thường về việc làm mất xe khách tại quán. Tuy nhiên HĐXX xét thấy nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn ông Đỗ Xuân H bồi thường chứ không yêu cầu công ty TNHH D1 nên HĐXX chỉ ghi nhận ý kiến của Công ty TNHH D1, nếu phía bị đơn ông Đỗ Xuân H có yêu cầu gì với phía Công ty TNHH D1 thì ông H có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có

căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí định giá, bị đơn phải hoàn lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D1 số tiền tạm ứng chi phí định giá 2.000.000 đồng mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp, theo quy định tại Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là số tiền 16.060.000 đồng như vậy nguyên đơn ông Nghe Vĩ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 803.000 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 53.940.000 đồng, như vậy bị đơn ông Đỗ Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.697.000 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

H2 lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Nghe Vĩ C đã nộp là 1.752.500 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0025104 ngày 14.5.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 166, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 554, khoản 2 Điều 556, khoản 4 Điều 557 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nghe Vĩ C.

1. Buộc ông Đỗ Xuân H có trách nhiệm bồi thường cho ông N Vĩ Cường trị giá chiếc xe máy hiệu Honda SH125i biển số 59E1-446.95 bị mất ngày 14/4/2019 với số tiền là 53.940.000 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn)

đồng. Thanh toán một lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngay sau khi nhận đủ số tiền 53.940.000 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng. Ông Nghe Vĩ C có trách nhiệm giao lại cho ông Đỗ Xuân H bản chính giấy chứng nhận xe máy hiệu Honda SH125i biển số 59E1-446.95.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Xuân H có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH D1 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí định giá tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đỗ Xuân H phải chịu là 2.697.000 (hai triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn) đồng . Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn ông Nghe Vĩ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 803.000 (tám trăm lẻ ba ngàn) đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

H2 lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Nghe Vĩ C đã nộp là 1.752.500 (Một triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0025104 ngày 14.5.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;

TÒA

- TAND TP. Hồ Chí Minh;

- VKSND huyện Hóc Môn;

- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;

- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Phan Anh Phong